

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN VĂN DŨNG

PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN ĐỨC CƠ TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. Trương Bá Thanh

Phản biện 1: TS. Lê Bảo

Phản biện 2: TS. Lâm Minh Châu

.

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cho đến cuối thế kỷ 19, cao su thiên nhiên là do Brazil độc quyền cung cấp từ các cây rừng. Để giải quyết nhu cầu về cao su ngày càng tăng, nước Anh đã tìm cách trồng cao su ở các nước Châu Á. Năm 1876, Henry Wickhan, nhà thực vật Anh, đã chuyển 70.000 hạt cao su từ Brazil về Anh, sau đó những cây con từ nguồn hạt này được mang sang trồng ở Sri Lanka, Singapore, Malaysia và Indonesia. Sản phẩm chính của cây cao su là mủ cao su được dùng làm nguyên liệu đầu vào quan trọng trong nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành giao thông vận tải. Bên cạnh đó sản phẩm phụ của cây cao su như hạt cao su cho tinh dầu quý, gỗ cao su làm nguyên liệu giấy, làm hàng mộc phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu... cây cao su còn có vị trí quan trọng trong bảo vệ đất và cân bằng sinh thái.

Trong những năm gần đây Ngành cao su đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh Gia Lai, góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, giải quyết việc làm cho một lượng lớn dân cư, góp phần vào công tác xoá đói giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và là ngành mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho ngân sách thông qua xuất khẩu.

Cùng với chủ trương của Tỉnh Gia Lai, Huyện Đức Cơ xác định phát triển cây cao su là ngành kinh tế mũi nhọn, là ngành chiến lược quan trọng tạo sức bật phát triển một số ngành nghề khác tại địa phương. Do vậy việc phát triển sản xuất cao su trên địa bàn huyện là một định hướng mang tính chiến lược và cấp thiết cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của Huyện, Xuất phát từ thực tế địa phương và

nhận thức được tầm quan trọng trong việc phát triển cây cao su trên địa bàn, tôi xin chọn đề tài nghiên cứu:

“ Phát triển cây cao su trên địa bàn Huyện Đức Cơ Tỉnh Gia lai”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển sản xuất cây cao su.

- Phân tích, đánh giá thực trạng cũng phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ, Tỉnh Gia lai.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ trong thời gian tới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc phát triển cây cao su.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ Về mặt không gian: Huyện Đức Cơ, Tỉnh Gia lai

+ Thời gian nghiên cứu: Đánh giá thực trạng phát triển sản xuất cây cao su chủ yếu tập trung vào giai đoạn 2006-2011

4. Phương pháp nghiên cứu

- Vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê kinh tế: Dựa vào số liệu thống kê để phân tích, làm rõ những vấn đề có tính quy luật, những nhận xét đánh giá đúng đắn

- Phương pháp thu thập số liệu có liên quan đến đề tài, số liệu thứ cấp được thu thập từ chính quyền và các ban ngành địa phương, các loại sách báo, mạng Internet

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển cây cao su

Chương 2: Thực trạng phát triển cây cao su trên địa bàn Huyện Đức Cơ Tỉnh Gia Lai

Chương 3: Giải pháp phát triển cây cao su trên địa bàn Huyện Đức Cơ Tỉnh Gia Lai

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Phát triển cây công nghiệp dài ngày nói chung và phát triển cây cao su nói riêng được các nhà nghiên cứu Việt Nam và các nước đang phát triển hết sức quan tâm. Trần Đức Viên, **Phát triển bền vững ngành cao su Việt Nam** trong hội nhập kinh tế quốc tế trong Hội thảo “Phát triển bền vững ngành Cao su Việt nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế” do Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công thương tổ chức tại Hà Nội, ngày 23-12-2008. Trong nghiên cứu này tác giả đã tập trung phân tích tình hình phát triển qua các giai đoạn từ trước và sau 1990 tới nay, đồng thời xem xét tác động của tình hình thị trường thế giới tới sự phát triển của ngành sản xuất này nhất là sau khi Việt Nam ra nhập WTO.

Tác giả Tôn Thất Trình trong nghiên cứu “Trồng cao su thiên nhiên” đã giới thiệu khá rõ ràng về phương thức sản xuất cao su tự nhiên trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Riêng phần phương thức canh tác tại Việt Nam đặc biệt là vùng Tây Nguyên rất đáng quan tâm, tác giả đã chỉ ra những đặc thù và những lưu ý khi sản xuất tại đây cho dù có nhiều thuận lợi nhưng cũng nhiều thách thức như khó khăn về nguồn nước, truyền thống canh tác

cũ và việc mở rộng quá mức sản xuất cũng như không gắn với phát triển rừng tự nhiên khiến sản lượng và năng suất bị hạn chế.

Với việc phân tích ngành hàng cao su trên địa bàn tỉnh Kon Tum của tác giả Nguyễn Quang Hoà, luận văn thạc sỹ kinh tế nông nghiệp, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội đã phân tích và đánh giá khá rõ về thực trạng phát triển ngành cao su trên địa bàn tỉnh Kon Tum - một tỉnh láng giềng của Gia lai.

Tuy nhiên cây cao su là cây công nghiệp dài ngày mà việc sản xuất đòi hỏi kỹ thuật khá cao do đó để phát triển phải chú trọng tới các giải pháp kỹ thuật. Nhiều nghiên cứu đã tập trung vào giải quyết vấn đề này. Các nghiên cứu này bao gồm:

- Lê Văn Bình, Mai Văn Sơn” Quy trình kỹ thuật cây cao su”, Viện nghiên cứu Cao Su Việt Nam.
- Nguyễn Khoa Chi, Hà Xuân Tư, “ Cây cao su kỹ thuật trồng khai thác và chế biến”, Nxb TP.HCM, 1985.
- Bách khoa toàn thư, Cây Cao Su
- Tôn Thất Trình, Trồng cao su Thiên Nhiên
- Báo cáo phân tích triển vọng ngành cao su tự nhiên của tác giả Nguyễn Tiến Đạt trên trang web www.smes.vn đăng ngày 7/4/2011.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN

VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.1 . VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM CỦA CÂY CAO SU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

1.1.1. Vai trò của cây cao su

Về mặt kinh tế

Cây cao su từ khi trở thành hàng hoá, công dụng của nó ngày càng được mở rộng. Hiện nay mủ cao su trở thành một trong bốn nguyên liệu chính của Ngành công nghiệp thế giới. Nó đứng sau gang thép, than đá và dầu mỏ. Sản phẩm cần dùng đến cao su có thể kể đến các loại sau: lốp ô tô chiếm 70% sản lượng cao su thế giới, kế đến là cao su dùng để làm ống băng truyền, đệm giảm xóc, vật liệu chống mài mòn, các thiết bị hàng không, dụng cụ gia đình và dụng cụ thể thao ...

Ngoài giá trị mủ cao su, cây cao su còn có thể cung cấp một lượng gỗ lớn, mặt hàng đồ gỗ cao su Việt Nam chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị đồ gỗ xuất khẩu, giá gỗ cao su hiện nay có giá dao động từ 5,7 – 6 triệu đồng/m³ gỗ phôi (theo báo nông nghiệp Việt Nam). Hàng năm sau năm thứ 7, cây cao su có thể cung cấp khoảng 200 - 300 kg hạt/ha với hàm lượng dầu khoảng 10 - 20% trọng lượng hạt; lượng prôtêin trong hạt, dầu cao su có thể dùng trong công nghệ sơn, vecni, xà phòng, làm chất độn pha thuốc kích thích mủ cao su hoặc nếu được xử lý thích hợp có thể dùng làm dầu thực phẩm; cuối cùng việc trồng cao su đem lại những lợi ích về môi trường, về rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống xói mòn đất góp phần xây dựng chương trình XĐGN, ổn định xã hội thông qua việc tạo công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc ở các vùng sâu, vùng xa

và là môi trường tốt để nuôi ong.

Về giá trị thương mại của mủ cao su thiên nhiên là loại nguyên liệu độc quyền trong trong thời gian đầu của thế kỷ XX, sau chiến tranh thế giới thứ II sự xuất hiện của cao su nhân tạo làm từ dầu mỏ, cao su thiên nhiên bị cạnh tranh gay gắt trong nhiều thập kỷ. Do cao su là sản phẩm quan trọng cho nhiều ngành công nghiệp nên giá mủ cao su luôn ổn định trong thời gian dài. Tuy vậy, những năm gần đây cùng với thị trường Trung Quốc rộng lớn nhập khẩu cao su Việt Nam trên 70% kể đến là thị trường Nga, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ và một số nước khác; cũng như chất lượng mủ càng ngày càng được cải tiến giá cao su cũng có chiều hướng tăng lên. Theo Hiệp hội cao su Việt Nam thì kim ngạch và giá cao su xuất khẩu năm 2011 đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 782.200 tấn đạt 2,3 tỷ USD đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho đất nước tăng kim ngạch xuất khẩu, thu ngoại tệ..

Đối với xã hội

Việc trồng, chăm sóc và khai thác cây cao su đòi hỏi một lực lượng lao động khá lớn (bình quân 1 lao động cho 2,5-3,5 ha) và ổn định lâu dài suốt 25 – 30 năm cho nên trên các diện tích trồng cao su với quy mô trung bình đến lớn, một số lượng công nhân ổn định sẽ được giao công việc thường xuyên và ổn định trong thời gian dài.

Phát triển các doanh nghiệp cao su còn có tác dụng xây dựng cơ sở hạ tầng: đường xá, điện nước, bệnh viện, trường học, khu giải trí..., tham gia phân bố dân cư hợp lý giữa vùng thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thu hút lao động cho các vùng sâu, các xã đặc biệt khó khăn, vùng cận biên giới, vùng định cư của các dân tộc ít người, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng tại các vùng biên giới.

Với môi trường sinh thái

Trên các loại đất bạc màu, đất đồi dốc, đất trống đồi trọc, cây cao su khi trồng với diện tích lớn còn có tác dụng phủ xanh đất trống đồi trọc, chống xói mòn, bảo vệ môi trường mặt đất.

1.1.2. Đặc điểm sinh học

Trồng và sản xuất cao su với mật độ từ 400 -571 cây/ha và chu kỳ sống được giới hạn lại từ 30 - 40 năm, chia làm 2 thời kỳ:

- *Thời kỳ kiến thiết cơ bản (TKKTCB): 7 năm*
- *Thời kỳ kinh doanh (TKKD): 25-30 năm*
- *Điều kiện để cây cao su phát triển*

1.1.3. Ý nghĩa của việc phát triển sản xuất cây cao su

Mủ cao su được ví như là “vàng trắng”, bởi từ lâu nay việc trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su đã trở thành một nghề mang lại nguồn thu nhập không nhỏ cho nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Cây cao su là một loài cây dễ thích nghi, phát triển trên những vùng đất khó khăn, nghèo kiệt, những vùng rừng tạp cho kinh tế thấp... Vì thế, ngoài việc tận dụng những diện tích đất cằn cỗi, quá trình trồng, chăm sóc, khai thác đối với cây cao su là một quá trình đem đến nhiều lợi ích cho người dân sống trong vùng trồng, đó là giải quyết công ăn việc làm cho người dân từ việc trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến các sản phẩm từ cây cao su.

Việc phát triển các nông trường cao su, nhà máy chế biến mủ cao su đã thúc đẩy việc hình thành hàng loạt các thị trấn, thị tứ (trung tâm kinh tế - xã hội) tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồi núi khó khăn qua đó đã góp phần xoá đói, giảm nghèo, điều hoà dân cư trên phạm vi cả nước, thúc đẩy quá trình định canh định cư các dân tộc ít người, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần

cho nhân dân địa phương.

Các rừng cây cao su có khả năng chống xói mòn bảo vệ đất, việc trồng cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tạo cân bằng về mặt sinh thái, góp phần tốt trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

Dựa trên cơ sở lý luận về phát triển kinh tế, chúng ta có thể quan niệm phát triển cây cao su là sự gia tăng về quy mô, sản lượng và sự tiến bộ về cơ cấu cây trồng, cơ cấu chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội. Như vậy, phát triển cây cao su bao hàm cả sự biến đổi về số lượng và chất lượng, với các nội dung cụ thể như sau.

1.2.1. Gia tăng diện tích, năng suất, sản lượng cây cao su

Phát triển cây cao su trước hết là quá trình tăng lên về sản lượng cao su được sản xuất ra. Kết quả này phản ánh năng lực sản xuất cao su của một địa phương hay thể hiện sự gia tăng quy mô sản xuất cao su. Sự gia tăng sản lượng nhờ sự gia tăng không gian sản xuất, nguồn lực huy động vào và năng suất cây cao su. Hai hướng gia tăng sản lượng này gắn với xu hướng tăng năng lực sản xuất theo chiều rộng và chiều sâu.

Năng suất cây cao su phản ánh mức sản lượng cao su trên mỗi đơn vị diện tích gieo trồng. Năng suất cây cao su chịu ảnh hưởng từ nhiều nhân tố như chất lượng đất, thời tiết, giống và kỹ thuật canh tác chăm bón và thu hoạch.

Sự phát triển về sản lượng trong sản xuất cao su là việc làm gia tăng khối lượng sản phẩm cao su sản xuất, gia tăng tổng giá trị sản xuất cao su, gia tăng sản phẩm hàng hóa cao su... điều đó được thực hiện thông qua:

- Gia tăng các yếu tố đầu vào như:

+ Đất là một trong những yếu tố cơ bản có tính quyết định đến hiệu quả kinh tế của vườn cây.

+ Gia tăng số lượng, trình độ người lao động: Lao động đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sản xuất cao su vì cây cao su là cây trồng lâu năm đòi hỏi phải có đủ nguồn lao động am hiểu về khoa học kỹ thuật. .

+ Gia tăng vốn đầu tư: Trong sản xuất cây cao su, vốn đóng vai trò hết sức quan trọng, thiếu vốn cây cao su sẽ chậm lớn, sản lượng mù ít.

- Chuyển dịch cơ cấu diện tích cây cao su theo hướng tăng tỷ trọng diện tích trồng những giống cây cao su có năng suất, hiệu quả kinh tế cao.

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và hao hụt trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản bằng cách đầu tư thâm canh, chọn đất thích hợp đối với quy mô phát triển cao su đại điền.

Kết quả phát triển cây cao su thể hiện bằng các chỉ tiêu:

- Diện tích cây cao su, cơ cấu diện tích cao su;
- Số lượng và mức tăng nhà sản xuất cao su;
- Năng suất mù cao su;
- Mức và tỷ lệ tăng diện tích giống mới trong sản xuất;
- Tỷ lệ các khâu sản xuất áp dụng kỹ thuật mới;

1.2.2. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất cây cao

su

Trong phát triển sản xuất cây cao su cần lựa chọn và hoàn thiện các hình thức tổ chức sản xuất tiên bộ. Các hình thức tổ chức

sản xuất trong sản xuất cao su hiện nay bao gồm: Hộ sản xuất cao su, trang trại cao su, công ty, nông trường cao su...)

1.2.3. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su

Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm cây cao su là quá trình mở rộng quy mô khách hàng cũng như sản lượng và giá trị sản phẩm cây cao su trên thị trường. Quá trình này cũng là quá trình chiếm lĩnh thị trường bảo đảm và tăng dần thị phần của các nhà sản xuất cao su bằng nhiều biện pháp khác nhau.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm cao su quyết định đầu ra và trong điều kiện Việt Nam đây là điều kiện quyết định sự phát triển cây cao su.

Tiêu chí phân ánh

- Doanh thu và mức tăng doanh thu của sản phẩm cao su;
- Thị phần và mức tăng thị phần của sản phẩm cao su trên thị trường;
- Số các nhà phân phối tham gia vào;

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Các yếu tố về điều kiện tự nhiên bao gồm: Đất đai, độ dốc, độ sâu tầng đất, khí hậu nhiệt độ, lượng mưa và độ ẩm, gió, giờ chiếu sáng, sương mù, khả năng chịu hạn, chịu úng là các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển cây cao su.

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Các yếu tố về điều kiện kinh tế - xã hội gồm: tăng trưởng kinh tế; lao động; và cơ sở hạ tầng.

1.3.3. Thị trường

Giá cả; nhu cầu; sự cạnh tranh; điều kiện sản xuất; đất đai; vốn và yếu tố kỹ thuật.

1.3.4. Các chính sách của nhà nước đối với phát triển cây cao su

Các chính sách của Nhà nước về phát triển cây cao su bao gồm: Chính sách về đất đai; Chính sách về lao động; Chính sách về vốn; Chính sách khoa học công nghệ.

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1. Mô hình trồng cây cao su trên đất Hòa Phong – Krông Bông

Xã Hòa Phong nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nóng và ẩm, chịu ảnh hưởng địa hình có các dãy núi lớn. Thời tiết tương đối khắc nghiệt, chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô.

1.4.2. Mô hình trồng cao su liên kết ở Tây Nguyên

Trong những năm gần đây, việc liên kết trồng cao su thay thế dần một số loại cây trồng khác kém hiệu quả tại các tỉnh Tây Nguyên tuy mới ở dạng thí điểm, song hứa hẹn mở ra hướng đi mới đầy triển vọng cho việc chuyển đổi cây trồng ở khu vực này.

1.4.3. Mô hình làm giàu từ trồng cao su tiểu điền

Trong những năm gần đây, mô hình trồng cây cao su tiểu điền ở thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch (Quảng Bình) đã phát triển mạnh, đem lại cuộc sống ấm no cho bà con nông dân.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của Luận văn đã khái quát được những lý luận cơ bản về phát triển cây cao su. Tập trung chính của chương là các nội dung và tiêu chí phát triển cây cao su, vai trò, đặc điểm của cây cao su đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Trong chương này đề cập đến 3 nội dung phát triển cây cao su đó là: Gia tăng về diện tích, năng suất, sản lượng cây cao su; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất cây cao su; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của cây cao su.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ

2.1. ĐẶC ĐIỂM CỦA HUYỆN ĐỨC CƠ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

Đức Cơ là một huyện phía tây của tỉnh Gia Lai cách thành Phố Pleiku khoảng 60km về phía Tây theo Quốc lộ 19. Huyện lỵ là thị trấn Chư Ty.

Diện tích tự nhiên là 723,12 Km² chiếm 4,7% diện tích của tỉnh Gia lai; dân số 62.539 người chiếm 4,79% dân số toàn tỉnh (số liệu thống kê năm 2011)

2.1.2. Đặc điểm về điều kiện kinh tế - xã hội

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU Ở HUYỆN ĐỨC CƠ

2.2.1. Thực trạng về diện tích, năng suất, sản lượng và nguồn lực sản xuất cao su

Bảng 2.7: Sản lượng cao su qua các năm

Đơn vị: tấn

Sản phẩm	2007	2008	2009	2010	2011
<i>Cao su(Mủ tươi)</i>	77.913	78.665	81.892	82.392	88.438

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Gia Lai

Sản lượng cao su liên tục tăng lên qua các năm, với tổng giá trị sản lượng đạt trên 1.230 tỷ đồng, chiếm 67% giá trị sản xuất nông nghiệp của Huyện. Điều đó, cho thấy vị trí của cây cao su trên địa bàn Huyện là rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế địa phương trong thời gian qua.

Bảng 2.8: Diện tích, năng suất và sản lượng cao su tại Huyện Đức Cơ

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011
<i>Diện tích (ha)</i>	16.050	16.230	16.560	18.034	18.628	20.008
Tốc độ tăng hàng năm		1%	2%	9%	3%	7%
<i>Diện tích kinh doanh</i>	15.335	15.346	16.440	16.655	16.655	16.855
Tốc độ tăng hàng năm		0%	7,1%	1,3%	0%	1,2%
Năng suất (tấn/ha)	4,62	5,08	4,78	4,92	5,09	5,25
<i>Sản lượng (tấn mù nước)</i>	70.848	77.913	78.665	81.892	84.840	88.438

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia lai

Diện tích cao su tăng liên tục trong 5 năm qua, trong đó tăng mạnh giai đoạn 2009 - 2011, đây là thời điểm giá mù cao su và nhu cầu cao su thiên nhiên trên thế giới tăng mạnh. Bên cạnh đó nhận thức của người dân về giá trị cây cao su ngày càng được chú trọng hơn, chính vì vậy mà diện tích cây cao su tăng nhanh. Theo số liệu thống kê diện tích cao su trên địa bàn huyện năm 2006 là 16.050 ha thì đến năm 2011 là 20.008 ha. Trong đó diện tích cao su đã đưa vào khai thác mù là 16.855 ha. Sản lượng mù nước cũng tăng đáng kể trong giai đoạn này, năm 2006 sản lượng là 70.848 tấn thì đến năm 2011 là 88.438 tấn.

Tốc độ phát triển bình quân diện tích cao su trên địa bàn trong 5 năm qua là khoảng 6% tăng khoảng 4.000 ha tập trung ở các xã Ia Gala, Ia Dom, Ia Pìn, Ia Krieng.

Bảng 2.10: Thực trạng phát triển sản xuất cao su trên địa bàn

Tiêu chí	2007	2008	2009	2010	2011
<i>Doanh nghiệp</i>					
Số lượng	3	3	3	3	3
Sản lượng (tấn)	21.822	21.822	25.414	25.414	25.414
Diện tích (ha)	14.548	14.548	16.943	16.943	16.943
Vốn (tỷ đồng)	1.047	1.047	1.219	1.219	1.372
Lao động (người)	11.198	11.219	12.460	12.497	12.548
MMTB (chiếc)	68	72	87	92	98
<i>Hộ sản xuất</i>					
Số lượng (hộ)	800	1500	3200	3500	4200
Sản lượng (tấn)	1480	1885	1927	2070	2110
Diện tích (ha)	1274	1440	2505	2900	3149
Vốn (tỷ đồng)	92	104	180	209	255
Lao động (người)	976	1052	1549	1692	1828
MMTB (chiếc)	30	42	57	57	69

Nguồn: Phòng Thống kê Huyện Đức Cơ

Diện tích cao su của các Doanh nghiệp quốc doanh chiếm tỷ trọng khá cao 84% diện tích cao su toàn huyện. Diện tích cao su tiểu điền chỉ chiếm 26%, phân bố tập trung ở một số xã có người Kinh sinh sống, với mô hình trang trại trồng cây lâu năm, một số xã có diện tích cao su tiểu điền lớn như xã IaVe, Ia Gla, Ia Dom.

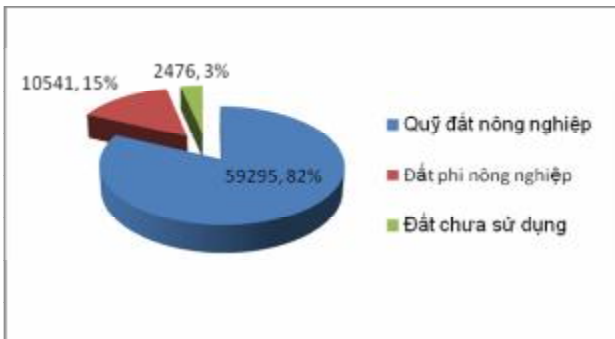
Trong giai đoạn 2006-2011 diện tích cao su tiểu điền tăng lên không đáng kể 1.875 ha mỗi năm tăng trên dưới khoảng 100ha.

Khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của vùng, đã đẩy mạnh chuyển dịch từng bước sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, thực hiện tốt chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước. Mô hình này đã góp phần tích cực vào quá trình chuyên dịch cơ cấu cây trồng, đem lại thu nhập ổn định cho đời sống của người dân góp phần tích cực cải thiện đời sống của địa bàn nơi đây. Hàng các Công ty cũng đã góp phần vào xuất khẩu Cao Su đưa về ngoại tệ cho nhà nước. Hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp cao su đã và đang đóng góp vào ngân sách cho nhà nước và chính quyền các cấp địa phương. Mặt khác mô hình Cao Su quốc doanh này còn góp phần từng bước cải thiện bộ mặt nông thôn với hệ thống cơ sở hạ tầng đường sá, cầu cống được tu sửa khá kiên cố, trạm y tế, trường học được xây dựng góp phần giúp dân cư vùng giáp biên khởi sắc cùng với toàn tỉnh ngày một phát triển.

Thực trạng về các nguồn lực cho phát triển cây cao su tại Huyện Đức Cơ

*** Đất đai**



Hình 2.2: Tình hình sử dụng quỹ đất của Huyện Đức cơ

Theo đánh giá của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh thì Huyện Đức Cơ phát triển cao su khá tốt trong thời gian vừa qua, hầu hết các loại đất trồng kém hiệu quả đều được chuyển đổi trồng cao su thời gian qua

Bảng 2.11: Diện tích có khả năng chuyển đổi trồng cao su

DVT: ha

Trong đó (ha)			D.tích có khả năng trồng cao su (ha)
Đất trống; Hoang hóa (ha)	Đất rừng nghèo	Màu, CNNN Nương rẫy (ha)	
504	1.706	1.273	3.483

Nguồn: Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Gia Lai đến năm 2020

*** Lao động**

Huyện Đức Cơ có dân số gần 63 ngàn người trong đó 48% trong độ tuổi lao động. Như vậy phần lớn dân số ngoài độ tuổi lao động và tỷ lệ phụ thuộc cao. So với toàn tỉnh Gia lai thì tỷ lệ lao động chiếm tỷ trọng rất thấp, số người chưa đến tuổi lao động và quá tuổi lao động chiếm tỷ trọng cao. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn lao động của toàn Huyện.

*** Vốn**

Vốn là yếu tố tính chất gần như quyết định đến khả năng đầu tư cho vườn cây. Đối với cao su quốc doanh trên địa bàn huyện đã được các Công ty đầu tư khá bài bản do các đơn vị này tiếp cận được nguồn vốn tín dụng nhà nước và vốn tín dụng thương mại khá dễ dàng. Bên cạnh là sự hỗ trợ của Cục kinh tế, Bộ Quốc Phòng nên chất lượng vườn cây của các Công ty này rất tốt.

Đối với cao su tiểu điền thì ngược lại, do thời gian kiến thiết cơ bản khá dài nên chỉ những hộ dân thật sự có năng lực về vốn mới mạnh dạn đầu tư mà số này rất ít, còn lại hầu hết đều gặp khó khăn về vốn nên chất lượng vườn cây không cao, diện tích đầu tư không lớn.

*** Khoa học công nghệ**

Thực tiễn phát triển ngành công nghiệp chế biến mủ cao su thời gian qua cho thấy: mô hình doanh nghiệp chế biến quy mô vừa

và nhỏ, với công nghệ thiết bị chế biến tiên tiến là mô hình chế biến phù hợp nhất cho phát triển ổn định và bền vững của ngành công nghiệp này. Nhà nước cần có cơ chế chính sách đủ mạnh, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.2.2. Thực trạng về kỹ thuật và tổ chức sản xuất cao su ***Về kỹ thuật chăm sóc và khai thác mủ cao su***

Việc tiếp cận đến kỹ thuật trồng và sản xuất cây cao su của người dân kinh nghiệm và trình độ chuyên môn còn hạn chế. Mặc dù đã có nhiều lớp tập huấn về kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su đã được tiến hành song hiệu quả mang lại vẫn chưa được như mong muốn, người dân một số nơi trên địa bàn vẫn xem nhẹ kỹ thuật canh tác vườn cây nên hiệu quả sản xuất vẫn chưa cao.

Về công nghệ chế biến và chất lượng sản phẩm

Đức Cơ hiện có 4 nhà máy sơ chế mủ cao su, tổng công suất thiết kế 21.000 tấn/năm, sản phẩm chủ yếu là cao su mủ cốm SVR 3L, 5 và một ít mủ tạp SVR 10, 20. Các dạng sản phẩm SVR 3L, 5,... tuy Trung Quốc có nhu cầu nhập khẩu lớn, nhưng lại khó tiêu thụ trên thị trường EU và Bắc Mỹ nên sản phẩm phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trug Quốc, hơn nữa các chủng loại sản phẩm này có giá trị xuất khẩu thấp; do vậy tương lai cần tăng mạnh việc chế biến cao su ly tâm, cao su mủ Latex, ... đồng thời tìm kiếm thêm nhập mở rộng thị trường.

Thiết bị của các nhà máy chế biến hầu hết nhập từ Malaixia, được đánh giá ở mức trung bình tiên tiến. Sản phẩm chế biến mủ cao su trên địa bàn Huyện Đức Cơ thực tế chủng loại không nhiều và phần lớn là sơ chế (mủ khô).

Về tổ chức sản xuất

Tổ chức sản xuất cao su ở tỉnh Gia Lai nói chung và Huyện

Đức Cơ nói riêng hiện nay có 3 hình thức chính, hộ gia đình, trang trại và doanh nghiệp. Các doanh nghiệp thường có quy mô sản xuất lớn hàng ngàn hay chục ngàn ha.

2.2.3. Thực trạng về thị trường tiêu thụ sản phẩm cao su

Sự phát triển của công nghiệp chế biến không theo kịp cộng với hệ thống tiêu thụ sản phẩm còn nhiều nhược điểm. Hiện nay mô hình tiêu thụ sản phẩm cao su như sau:

+ *Thứ 1: Người trồng cao su - Thương lái - Cơ sở chế biến - Xuất khẩu*

+ *Thứ 2: Người trồng cao su-Cơ sở chế biến- Xuất khẩu*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nội dung Chương 2 của Luận văn đi sâu vào phân tích thực trạng giải phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ, tỉnh Gia lai. Tác giả khái quát, phân tích những đặc điểm về tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội, về cơ sở hạ tầng của Huyện, các đặc điểm dân số, lao động, phân tích thực trạng về diện tích, năng suất, sản lượng cây cao su trên địa bàn Huyện Đức Cơ từ năm 2007-2011. Đánh giá thực trạng về các nguồn lực cho phát triển cây cao su trên địa bàn; thực trạng về kỹ thuật và các hình thức tổ chức sản xuất cao su hiện nay; đánh giá về thị trường tiêu thụ sản phẩm cao su, các phương thức tiêu thụ hiện nay của người trồng cao su.

Trên cơ sở phân tích Chương 2 tác giả sẽ xâu chuỗi, phân tích, so sánh giữa lý luận và thực tiễn nhằm đưa ra các quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp để phát triển cây cao su tại Huyện Đức cơ ở Chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ

3.1. CĂN CỨ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Nhu cầu về sản phẩm cây cao su

3.1.2. Chiến lược và định hướng phát triển nông nghiệp và phát triển cao su của tỉnh Gia Lai, Huyện Đức Cơ

- Khai thác tối đa tiềm năng đất đai, phát triển trồng cây công nghiệp đặc biệt là cây cao su tăng cường sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa

- Căn cứ vào tiềm năng, lợi thế của huyện trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là phát triển mô hình cao su tiểu điền.

- Khuyến khích người dân trồng mới diện tích cao su để đảm bảo kế hoạch đặt ra của Huyện đến năm 2015 sẽ có tổng diện tích là 25.000 ha.

3.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAO SU Ở HUYỆN ĐỨC CƠ

Để phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ thực sự ổn định và bền vững, cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

3.2.1. Hoàn thiện các chính sách phát triển cây cao su

3.2.2. Giải pháp về vốn

3.2.3. Giải pháp về lao động

3.2.4. Giải pháp về cơ sở hạ tầng

3.2.5. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

3.2.6. Hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất cây cao su

3.2.7. Mở rộng thị trường tiêu thụ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Tại chương 3, trên cơ sở đi sâu phân tích giữa lý luận và thực trạng phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai trong những năm qua tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển cây cao su tại địa bàn huyện Đức Cơ tỉnh Gia Lai với một số nội dung sau:

Thứ nhất, về căn cứ xây dựng giải pháp, tác giả phân tích nhu cầu về sản phẩm cây cao su hiện nay vẫn còn rất lớn, vấn đề đầu ra được đảm bảo. Đồng thời căn cứ vào chiến lược và định hướng phát triển nông nghiệp, phát triển cây cao su của Tỉnh Gialai và của Huyện Đức Cơ.

Thứ hai, đó là các giải pháp phát triển cây cao su bằng cách gia tăng diện tích, năng suất, sản lượng thông qua các giải pháp về các nguồn lực đầu vào như giải pháp về quy hoạch và đất đai; giải pháp về vốn, về lao động, về cơ sở hạ tầng, về nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Thứ ba, hoàn thiện hình thức tổ chức sản xuất;

Thứ tư, Mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tóm lại, thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển cây cao su, sẽ gia tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho lao động giải quyết việc làm ổn định kinh tế xã hội, nâng cao đời sống của người dân; góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Huyện Đức Cơ nói riêng và Tỉnh Gialai nói chung.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Ngành cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung và Huyện Đức Cơ nói riêng đã và đang chiếm một vị trí hết sức quan trọng, đã được Chính phủ quy hoạch thành cây trồng chủ lực trong chiến lược phát triển kinh tế của địa phương.

Việc đẩy mạnh phát triển cao su theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một bước đi tất yếu của nước ta nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng. Ngày nay hầu như không một lĩnh vực nào của đời sống kinh tế, xã hội mà không có các sản phẩm được sản xuất từ mủ cao su tự nhiên, mặc dù cao su nhân tạo được sản xuất để thay thế cho cao su tự nhiên, song vẫn không thể thay thế được các đặc tính ưu việt của cao su tự nhiên, đặc biệt là để sản xuất các sản phẩm công nghệ cao như vỏ xe hơi, máy bay... Khi kinh tế càng phát triển nhu cầu sản phẩm cao su tự nhiên và các sản phẩm đồ gỗ từ gỗ cao su ngày càng tăng. Nhu cầu tiêu thụ cao su tự nhiên ngày càng cao hơn, nhưng tiềm năng phát triển của ngành cao su không phải là vô tận. Với khí hậu, thổ nhưỡng của một số vùng ở Việt Nam khá thuận lợi để phát triển ngành cao su, trong đó có các tỉnh miền núi Tây Nguyên, chúng ta phải biết tận dụng tiềm năng sẵn có ấy để góp phần đưa ngành cao su phát triển một cách bền vững, sánh bước cùng với các cường quốc phát triển ngành cao su trên thế giới.

Vai trò của ngành cao su đối với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội là rất lớn. Nó không chỉ góp phần vào tăng trưởng kinh tế nước ta, mà còn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một lượng lớn dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc tại địa phương, góp phần vào công tác xóa đói, giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và là ngành mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn

cho ngân sách thông qua xuất khẩu. Đồng thời ngành cao su còn góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng cũng như góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn Huyện nhà.

Vì thế, phát triển ngành cao su không những tạo tích lũy vốn để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa của ngành mà còn kích thích nhiều ngành kinh tế khác cùng phát triển. Đức Cơ là Huyện có điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng tương đối thuận lợi cho việc phát triển cao su, nếu phát triển tốt cây cao su thì cũng kéo theo sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Để phát triển kinh tế khu vực Tây Nguyên, Chính phủ đã có phê duyệt quy hoạch phát triển thêm 100.000ha cao su tại các tỉnh Tây Nguyên, trong đó riêng Gia Lai chiếm 50.000 ha trong giai đoạn 2007-2015. Vì thế, chính quyền tỉnh Gia Lai, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh cần tận dụng thời cơ để khai thác hết tiềm năng to lớn này.

Từ những gì đã học được ở nhà trường và tự nghiên cứu của bản thân, với lòng mong mỏi được góp một phần nhỏ bé về phương pháp luận và thực tiễn vào việc phát triển ngành cao su tại Huyện Đức Cơ, nhưng với năng lực và trình độ có hạn, nên luận văn chắc chắn còn có những hạn chế, khiêm khuyết. Vì vậy tác giả rất mong được sự giúp đỡ, chỉ bảo của quý thầy cô, các nhà khoa học, đồng nghiệp và bạn đọc để tác giả tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa và bổ sung kiến thức của mình.

2. KIẾN NGHỊ

Qua quá trình thực hiện đề tài, nhận thấy được những tồn tại và hạn chế trong việc phát triển sản xuất cây cao su trên địa bàn huyện Đức Cơ Tỉnh Gia lai, để cây cao su có thể phát triển bền vững chắc và ngày càng mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân, chúng

tôi mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Tỉnh cần có quy hoạch chi tiết đối với quỹ đất dự kiến phát triển cao su trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển cao su

- Nhà nước cần phải tích cực hoàn thiện các chính sách, chế độ về đầu tư phát triển cây cao su, nhằm khuyến khích động viên nhiều thành phần kinh tế tham gia vào phát triển mô hình này một cách có hiệu quả hơn. Vì cây cao su có thời gian KTCB khá dài nên thời gian thu hồi vốn chậm, do vậy trong hoạt động vay vốn cần có những chính sách phù hợp tạo điều kiện cho người dân có thể nhanh chóng, thuận tiện và sử dụng vốn đúng mục đích trong dài hạn. Các cấp chính quyền tại huyện xã cần nhanh chóng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ để người dân có thể yên tâm trong đầu tư sản xuất.

** Đối với chính quyền huyện Đục Cơ:*

- Cần có chính sách tuyên truyền, vận động mọi người dân trong việc phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại trên địa bàn, để làm giàu cho bản thân, gia đình, cộng đồng. Đồng thời phải có những phương hướng sản xuất phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, thực hiện đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế so sánh mà vùng có được. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi của nhà nước.

- Để mở các lớp tập huấn kỹ thuật cao cho người dân cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, đào tạo các cán bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác vườn cây cao su theo từng giai đoạn kỹ thuật.

- Cần duy trì và tăng cường công tác giám sát chỉ đạo của tổ công tác cao su và cán bộ nông dân chủ chốt về tình hình chăm sóc

và khai thác mủ cao su của người dân để có các biện pháp nhắc nhở kịp thời.

** Đối với hộ trực tiếp trồng cây cao su:*

Cần phải xác định rõ lợi ích lâu dài mang lại từ cây cao su. Phải xác định vai trò làm chủ thực sự trên diện tích cao su của mình để có thể chủ động đầu tư, nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây.

- Chấp hành tốt quy trình kỹ thuật và hướng dẫn của các cán bộ khuyến nông để vườn cây phát triển tốt và cho năng suất ổn định và bền vững. Tăng cường học hỏi kinh nghiệm, trau dồi kiến thức về canh tác cây cao su, kiến thức về thị trường, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Mạnh dạn vay vốn để đầu tư phục vụ nhu cầu sản xuất, mở rộng qui mô. Tuy nhiên phải sử dụng đồng vốn hợp lý, hiệu quả đúng mục đích.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin về thị trường, giá cả và bảo quản tốt mủ cao su nhằm giữ vững chất lượng, tạo thương hiệu và đặc trưng mủ ở nơi đây.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa góp phần thực hiện tốt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Luôn có sự giao lưu trao đổi kinh nghiệm sản xuất giữa những người dân trồng cao su để hoạt động sản xuất mang lại hiệu quả cao.